

Số: 72/2020/QĐST-HNGĐ

Quảng Ninh, ngày 11 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 84/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Anh Đoàn Vĩnh H, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Xóm 1, thôn V, xã L, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Bị đơn: Chị Lê Thị Mỹ Thành, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Xóm 1, thôn V, xã L, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 12 năm 2020,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đoàn Vĩnh H và chị Lê Thị Mỹ T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Đoàn Vĩnh H và chị Lê Thị Mỹ T thống nhất tự nguyện thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Anh Đoàn Vĩnh H và chị Lê Thị Mỹ T thống nhất: Vợ chồng có 02 con chung tên Đoàn Lê Minh N, sinh ngày 21/4/2010, Đoàn Lê Minh K, sinh ngày 16/10/2018. Hai bên thống nhất thỏa thuận giao cả 02 con Đoàn Lê Minh N và Đoàn Lê Minh K cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh H tự

nguyên cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 3.000.000 đồng/tháng/hai cháu(Ba triệu đồng), việc cấp dưỡng kể từ tháng 01/2021 đến khi cháu N và K trưởng thành (đủ 18 tuổi). Các bên có nghĩa vụ, quyền về việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

- *Về quan hệ tài sản:* Anh Đoàn Vĩnh H và chị Lê Thị Mỹ T thống nhất: Vợ chồng có một số tài sản chung và nợ chung nhưng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí sơ thẩm:* Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Đoàn Vĩnh H và chị Lê Thị Mỹ T mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn; anh H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ là 150.000 đồng. Anh Đoàn Vĩnh H và chị Lê Thị Mỹ T thống nhất thỏa thuận: Giao cho anh H chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ là 150.000 đồng. Tổng số tiền án phí anh Đoàn Vĩnh H phải chịu nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) anh đã nộp theo biên lai số AA/2017/0007319 ngày 02/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh. Anh H đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- UBND Lộc Ninh, Tp Đồng Hới;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Châu Mạnh Cường